TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 11 - 2021
" V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trương Minh Thiết**
- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Lê Trí Thông

2. Ông Nguyễn Văn Triều

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Trần Thị Tuyết Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa*: **Ông Kim Quang Phong** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự;

***- Nguyên đơn*:** Bà Thảo, sinh năm 1973 – *có mặt.*

- Bị đơn: Ông Hòa, sinh năm 1969 – *có mặt*

Cùng địa chỉ: ấp Đ 2, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2021 nguyên đơn là bà Thảo trình bày:* Vào tháng 6 năm 2003 bà Thảo và ông Hòa có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, hai bên do quen biết được cha mẹ hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Sau khi cưới chúng tôi về sống chung tại xã T, thời gian đầu sống rất hạnh phúc, nhưng gần đây chúng tôi có nhiều mâu thuẫn như cãi nhau, ông Hòa thường hay uống rượu về không chăm lo cho vợ, con hai người bất đồng ý kiến và sống ly thân từ cuối năm

2020 đến nay. Quá trình sống chung có 01 đứa con là: Dung, sinh ngày 28/3/2004 hiện sống chung với chị Thảo. Về tài sản chung: Không có, về nợ chung: không có.

Nay bà Thảo yêu cầu được ly hôn với ông Hòa. Về con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Dung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, để tự thỏa thuận, về nợ chung: không có.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 09 tháng 11 năm 2021 bị đơn là ông Hòa trình bày*: Ông Hòa thừa nhận, đã nhận đầy đủ các tài liệu chứng cứ do bên bà Thảo cung cấp và đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên; do bận công việc nên không thể đến tham dự hòa giải được. Ông Hòa thừa nhận bà Thảo là vợ của ông, vợ chồng có tổ chức đám cưới vào năm 2003 hôn nhân là do mai mối, hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, TX B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21 tháng 7 năm 2004. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã Đ, thị xã B, thời gian hạnh phúc được hơn 16 năm thì vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Theo ông Hòa nguyên nhân vợ chồng ly thân là do thường hay cãi nhau, vợ chồng bất đồng ý kiến, không ai qaun tâm đến ai mặc dù sống chung một nhà. Nay ông Hòa không đồng ý ly hôn với bà Thảo yêu cầu đoàn tụ. Về con chung: Có 01 cháu: Dung, sinh ngày 28/3/2004 hiện sống chung một nhà. Về tài sản chung: Theo như ông Hòa cho rằng vợ chồng có các tài sản như sa: Một căn nhà hiện hai vợ chồng đang quản lý và sử dụng và hơn 4.000m^2 đất ruộng tại ấp 2, xã V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Về nợ chung: không có.

Nay ông Hòa không đồng ý ly hôn vì giữa ông với bà Thảo không có mâu thẩn gì; trường hợp có ly hôn thì ông đồng ý cho bà Thảo tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dung. Về tài sản chung và nợ chung ông xác định để vợ chồng tự thỏa thuận.

- Tại bản khai ý kiến ngày 20/4/2021 của cháu Dung thể hiện: Sau khi ông Hòa, bà Thảo được ly hôn thì có nguyện vong tiếp tục sống với bà Thảo, ngoài ra các vấn đề khác không có ý.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Bình thực hiện việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 239, Điều 247 và Điều 254 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án, thủ tục khai mạc phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa, công bố các tài liệu chứng cứ của vụ án tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thảo đối với ông Hòa; Cho bà Thảo được ly hôn với ông Hòa. Về con chung, có 01 con chung là Dung, sinh ngày 28/3/2004, tiếp tục cho bà Thảo được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dung là phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu, bà Thảo chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, bà Thảo, ông Hòa xác định có tài sản chung nhưng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung, hai bên khẳng định không có nên không xem xét. Về án phí bà Thảo phải chịu 300.000đồng.

- Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án có tiến hành ghi lời khai của bị đơn để làm rõ các vấn đề mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và ý kiến của bị đơn. Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét mối quan hệ gia đình; giữa bà Thảo với ông Hòa có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh, chị có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về kinh tế gia đình, ông Hòa thường hay uống rượu không làm chủ bản thân dẫn đến có lời lẽ xúc phạm vợ, con, không chăm lo cho vợ con. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng ông, bà không trở về đoàn tụ được xem như hòa giải đoàn tụ không thành. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Thảo. Cho bà Thảo được ly hôn với ông Hòa là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy, bà Thảo và ông Hòa có 01 con chung là: Dung, sinh ngày 28/3/2004 hiện sống chung với bà Thảo, ông Hòa. Ông Hòa đồng ý cho bà Thảo trực

tiếp nuôi cháu Dung là phù hợp với ý chí và nguyện vọng của cháu Dung và bà Thảo, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Bà Thảo không yêu cầu ông Hòa phải cấp dưỡng nuôi con, nên ông Hòa chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hòa có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung: Xét thấy, ông Hòa và bà Thảo có tài sản chung là nhà, đất như lời trình bày tại phiên Tòa được bà Thảo và ông Hòa thừa nhận. Tuy nhiên, qua nhiều lần hòa giải và tại phiên Tòa ông, bà không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để giải quyết phần tài sản trong cùng vụ án ly hôn nói trên. Dành riêng một vụ kiện khác về tranh chấp tài sản sau khi ly hôn, nếu giữa bà Thảo và ông Hòa không tự thảo thuận được.

[5] Về nợ chung: Bà Thảo, ông Hòa khẳng định không có nợ ai, nên miễn xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Thảo phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010818, ngày 11/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, bà Thảo không phải nộp thêm.

[5]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 9; 19; 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn ly hôn của bà Thảo.

Cho bà Thảo được ly hôn ông Hòa.

2/ Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Thảo, ông Hòa đồng ý cho bà Thảo được quyền nuôi dưỡng cháu Dung, sinh ngày 28/3/2004. Bà Thảo không yêu cầu ông Hòa phải cấp dưỡng nuôi con, nên ông Hòa chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hòa có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Thảo, ông Hòa không yêu cầu giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không xem xét.

Dành riêng một vụ kiện khác về tranh chấp tài sản sau khi ly hôn, nếu giữa bà Thảo và ông Hòa không tự thảo thuận được.

4/ Về nợ chung: Bà Thảo, ông Hòa khẳng định không có nợ ai, nên miễn xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Thảo phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010818, ngày 11/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, bà Thảo không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND TX B;*
- *CC THADS TX B;*
- *UBND xã M;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*